

Đồ án thực hành

Tên đề tài: Quản lý điểm danh

Chương 1 : Thiết kế cơ sở dữ liệu

1.1 Các bảng dữ liệu và sơ đồ quan hệ giữa các bảng

1.1.1 Bảng dữ liệu Lược đồ quan hệ:

- SINHVIEN (**MSSV**, TENSX, SDT, NGAYSINH, GIOITINH, MALOP, TRANGTHAI)
- LOP (**MALOP**, TENLOP, SISO)
- BUOIHOC (**MABUOI**, **MALOP**, NGAYHOC, TGBD, TGKT , SOBUOI)
- DIEMDANH (**MABUOI**, **MSSV**, TGCOMAT, GHICHU)

1.1.2 Mô tả

Quan hệ	Thuộc tính	Diễn giải	Kiểu dữ liệu
SINHVIEN	MSSV	Mã số sinh viên (Khóa chính)	char(8)
	TENSX	Tên sinh viên	nvarchar(30)
	SDT	Số điện thoại	varchar(10)
	NGAYSINH	Ngày sinh	datetime
	GIOITINH	Giới tính	nvarchar(4)
	MALOP	Mã lớp	char(10)
LOP	MALOP	Mã lớp (Khóa chính)	char(10)
	TENLOP	Tên lớp	nvarchar(30)
	SISO	Sĩ số	int
	SOBUOI	Số buổi	int
BUOIHOC	MABUOI	Mã buổi (Thuộc tính khóa)	char(4)
	MALOP	Mã lớp (Thuộc tính khóa)	char(10)
	NGAYHOC	Ngày học	datetime
	TGBD	Thời gian bắt đầu	time
	TGKT	Thời gian kết thúc	time
DIEMDANH	MABUOI	Mã buổi (Thuộc tính khóa)	char(4)
	MSSV	Mã số sinh viên (Thuộc tính khóa)	char(8)
	TGCOMAT	Thời gian có mặt	time
	GHICHU	Ghi chú	nvarchar(30)

1.2 Cài đặt các quan hệ vào SQL:

```

CREATE DATABASE QL_DIEMDANH;
USE QL_DIEMDANH;
GO

DROP DATABASE QL_DIEMDANH

CREATE TABLE LOP
(
    MALOP CHAR(10) PRIMARY KEY,
    TENLOP NVARCHAR(30),
    SISO INT,
    SOBUOI INT
);
GO
CREATE TABLE SINHVIEN
(
    MSSV CHAR(8) PRIMARY KEY,
    TENSX NVARCHAR(30) NOT NULL,
    SDT VARCHAR(10),
    NGAYSINH DATETIME,
    GIOITINH NVARCHAR(4),
    MALOP CHAR(10)
);

ALTER TABLE SINHVIEN ADD CONSTRAINT FK_SINHVIEN_LOP FOREIGN KEY (MALOP) REFERENCES LOP(MALOP);

CREATE TABLE BUOIHOCTHUC
(
    MABUOI INT PRIMARY KEY,
    MALOP CHAR(10),
    TGBD TIME,
    TGKT TIME,
    NGAYHOC DATETIME
);

ALTER TABLE BUOIHOCTHUC ADD CONSTRAINT FK_BH_LOP FOREIGN KEY (MALOP) REFERENCES LOP(MALOP);

CREATE TABLE DIEMDANH
(
    MABUOI INT,
    MALOP CHAR(10),
    MSSV CHAR(8),
    TGCOMAT TIME,
    GHICHU NVARCHAR(30) NULL,
    PRIMARY KEY(MALOP, MSSV, MABUOI)
);

ALTER TABLE DIEMDANH ADD
CONSTRAINT FK_DD_LOP FOREIGN KEY (MALOP) REFERENCES LOP(MALOP),
CONSTRAINT FK_DD_SV FOREIGN KEY (MSSV) REFERENCES SINHVIEN(MSSV),
CONSTRAINT FK_DD_BH FOREIGN KEY (MABUOI) REFERENCES BUOIHOCTHUC(MABUOI);

```

1.3 Các ràng buộc toàn vẹn

1.3.1 Trigger

a) Kiểm tra xem khi thêm sinh viên vào 1 lớp thì sĩ số lớp đó đã đầy hay chưa. Nếu đầy thì không cho thêm sinh viên vào nữa

```

|CREATE TRIGGER Check_sv ON SINHVIEN
|AFTER INSERT
|AS
|BEGIN
|    -- Kiểm tra sĩ số tối đa của lớp
|    DECLARE @Siso_max INT
|    SELECT @Siso_max = SISO FROM LOP WHERE MALOP IN (SELECT MALOP FROM INSERTED)
|
|    DECLARE @Tong_sv INT
|    SELECT @Tong_sv = COUNT(*) FROM SINHVIEN WHERE MALOP IN (SELECT MALOP FROM INSERTED)
|
|    IF (@Tong_sv > @Siso_max)
|    BEGIN
|        -- Quá giới hạn sĩ số tối đa, rollback transaction và in thông báo lỗi
|        ROLLBACK TRANSACTION;
|        RAISERROR ('Sĩ số của lớp đã vượt quá giới hạn tối đa', 16, 1);
|    END
|END;
|
|INSERT INTO LOP (MALOP, TENLOP, SISO, SOBUOI)
|VALUES
|    ('L009', N'Lớp ABC', 10, 18)
|

```

b) Kiểm tra update trạng thái của sinh viên khi tham gia tiết học

```

CREATE TRIGGER Check_dd ON DIEMDANH
AFTER INSERT, UPDATE
AS
BEGIN
    UPDATE dd
    SET dd.GHICHU =
        CASE
            WHEN dd.TGCOMAT <= bh.TGBD THEN 'P'
            --WHEN dd.TGCOMAT > DATEADD(MINUTE, 15, bh.TGBD) AND dd.TGCOMAT < DATEADD(MINUTE, 45, bh.TGBD) THEN 'L'
            WHEN dd.TGCOMAT > bh.TGBD AND dd.TGCOMAT < DATEADD(MINUTE, 45, bh.TGBD) THEN 'L'
            WHEN dd.TGCOMAT >= DATEADD(MINUTE, 45, bh.TGBD) THEN 'UA'
        END
    FROM DIEMDANH dd
    INNER JOIN BUOIHOc bh ON dd.MALOP = bh.MALOP AND dd.MABUOI = bh.MABUOI
    INNER JOIN INSERTED i ON dd.MALOP = i.MALOP AND dd.MSSV = i.MSSV AND dd.MABUOI = i.MABUOI
END;

```

c) Kiểm tra sinh viên đi học muộn và vắng. Nếu quá số buổi qui định sẽ bị cấm thi.

```

CREATE TRIGGER Camthi_CK ON DIEMDANH
AFTER INSERT, UPDATE
AS
BEGIN
    -- Cập nhật thông tin cấm thi cho tất cả sinh viên và lớp học trong bảng "DIEMDANH"
    UPDATE DANHSACHTHI
    SET TINHTRANG = CASE
        WHEN d.TONGBUOIVANG >= 1.SOBUOI * 0.3 THEN N'Đã cấm thi cuối kì'
        ELSE N'Được thi cuối kì'
    END
    FROM DANHSACHTHI dst
    INNER JOIN (
        SELECT dd.MSSV, dd.MALOP, SUM(
            CASE
                WHEN dd.GHICHU = 'L' THEN 0.5
                WHEN dd.GHICHU = 'A' OR dd.GHICHU = 'UA' THEN 1
                ELSE 0
            END
        ) AS TONGBUOIVANG
        FROM DIEMDANH dd
        GROUP BY dd.MSSV, dd.MALOP
    ) d ON dst.MSSV = d.MSSV AND dst.MALOP = d.MALOP
    INNER JOIN LOP l ON dst.MALOP = l.MALOP;

    -- Thêm mới các sinh viên và lớp học chưa có trong bảng "DANHSACHTHI"
    INSERT INTO DANHSACHTHI (MSSV, MALOP, TINHTRANG)

```

```

-- Thêm mới các sinh viên và lớp học chưa có trong bảng "DANHSACHTHI"
INSERT INTO DANHSACHTHI (MSSV, MALOP, TINHTRANG)
SELECT d.MSSV, d.MALOP, CASE
    WHEN d.TONGBUOIVANG >= 1.SOBUOI * 0.3 THEN N'Đã cấm thi cuối kì'
    ELSE N'Được thi cuối kì'
END
FROM (
    SELECT dd.MSSV, dd.MALOP, SUM(
        CASE
            WHEN dd.GHICHU = 'L' THEN 0.5
            WHEN dd.GHICHU = 'A' OR dd.GHICHU = 'UA' THEN 1
            ELSE 0
        END
    ) AS TONGBUOIVANG
    FROM DIEMDANH dd
    GROUP BY dd.MSSV, dd.MALOP
) d
INNER JOIN LOP l ON d.MALOP = l.MALOP
LEFT JOIN DANHSACHTHI dst ON d.MSSV = dst.MSSV AND d.MALOP = dst.MALOP
WHERE dst.MSSV IS NULL;

SELECT MALOP, STRING_AGG(MSSV + ' ' + TINHTRANG, ', ') AS SINHVIEN_TINHTRANG
FROM DANHSACHTHI
GROUP BY MALOP;

```

1.3.2 Procedure

a) Stored procedure để đếm số sinh viên đi học vào buổi học của môn học đó.

```
CREATE PROCEDURE DemSoSinhVienDiHocTheoMonHoc
    @MABUOI INT,
    @MALOP CHAR(10)
AS
BEGIN
    SET NOCOUNT ON;

    DECLARE @SoSinhVien INT;

    -- Đếm số sinh viên đi học trong buổi học
    SELECT @SoSinhVien = COUNT(*)
    FROM DIEMDANH DD
    INNER JOIN SINHVIEN SV ON DD.MSSV = SV.MSSV
    INNER JOIN LOP L ON SV.MALOP = L.MALOP
    WHERE DD.MABUOI = @MABUOI AND L.MALOP = @MALOP AND DD.GHICHU IN ('P', 'L');

    PRINT N'Số sinh viên đi học trong buổi học của môn học có MABUOI ' + CAST(@MABUOI AS VARCHAR) + N' và MALOP ' + @MALOP + N' là: ' + CAST(@SoSinhVien AS VARCHAR);
END
```

b) Stored procedure tính tổng số buổi nghỉ của một sinh viên trong mỗi môn học.

```
CREATE PROCEDURE TinhTongSoBuoiNghỉ
    @MSSV CHAR(8),
    @MALOP CHAR(10)
AS
BEGIN
    SET NOCOUNT ON;

    DECLARE @TongSoBuoiNghỉ INT;

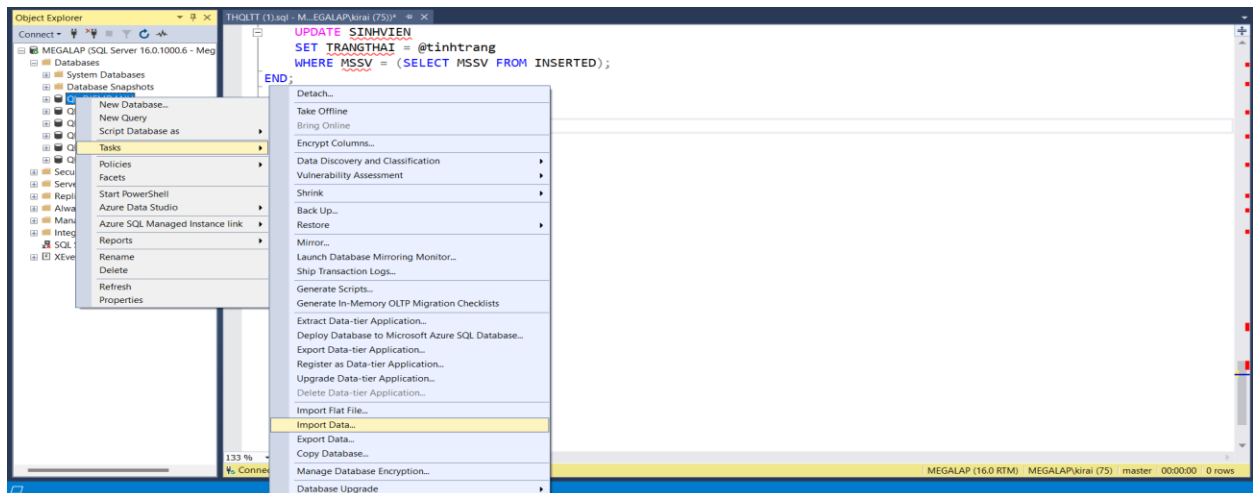
    -- Tính tổng số buổi nghỉ của sinh viên trong mỗi môn học
    SELECT @TongSoBuoiNghỉ = COUNT(*)
    FROM DIEMDANH DD
    INNER JOIN SINHVIEN SV ON DD.MSSV = SV.MSSV
    INNER JOIN LOP L ON SV.MALOP = L.MALOP
    WHERE SV.MSSV = @MSSV AND SV.MALOP = @MALOP AND DD.GHICHU IN ('UA', 'A');

    -- In kết quả
    PRINT N'Tổng số buổi nghỉ của sinh viên có MSSV ' + @MSSV + N' trong lớp ' + @MALOP + N' là: ' + CAST(@TongSoBuoiNghỉ AS VARCHAR);
END
```

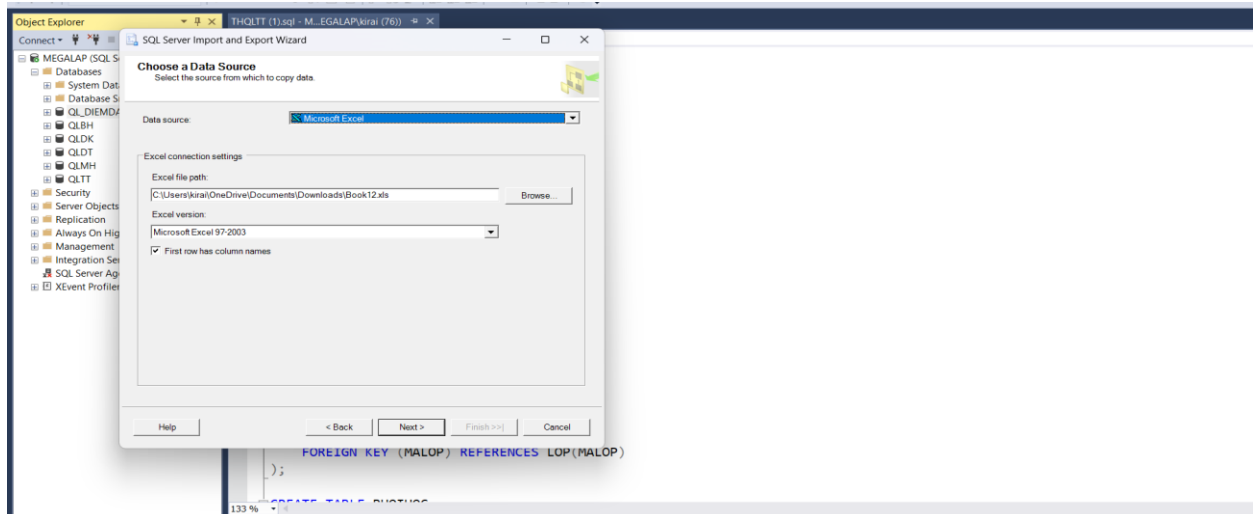
Chương 2: Nhập, xuất, sao lưu và khôi phục dữ liệu

2.1 Import dữ liệu

Bước 1: Nhấn chuột phải vào Database bất kì -> Tasks -> Import data



Bước 2: Ở phần Data source, chọn Microsoft Excel. Ở phần Excel file path: chọn tệp mà chúng ta cần Import.



Sau đó nhấn Next để tiếp tục thực hiện import.

Bước 3: Ở phần destination, chọn Microsoft OLE DB Provider for SQL Server như hình. Sau đó ở phần database, chọn database mà chúng ta muốn Import

Sau đó nhấn Next. Chọn Copy Data.

SQL Server Import and Export Wizard

Choose a Destination
Specify where to copy data to.

Destination: Microsoft OLE DB Provider for SQL Server

Server name: MEGALAP

Authentication

☒ Use Windows Authentication

☐ Use SQL Server Authentication

User name:

Password:

Database: QL_DIEMDANH

Refresh

New...

Help < Back Next > Finish >>| Cancel

Sau đó nhấn Next. Chọn Copy Data

SQL Server Import and Export Wizard

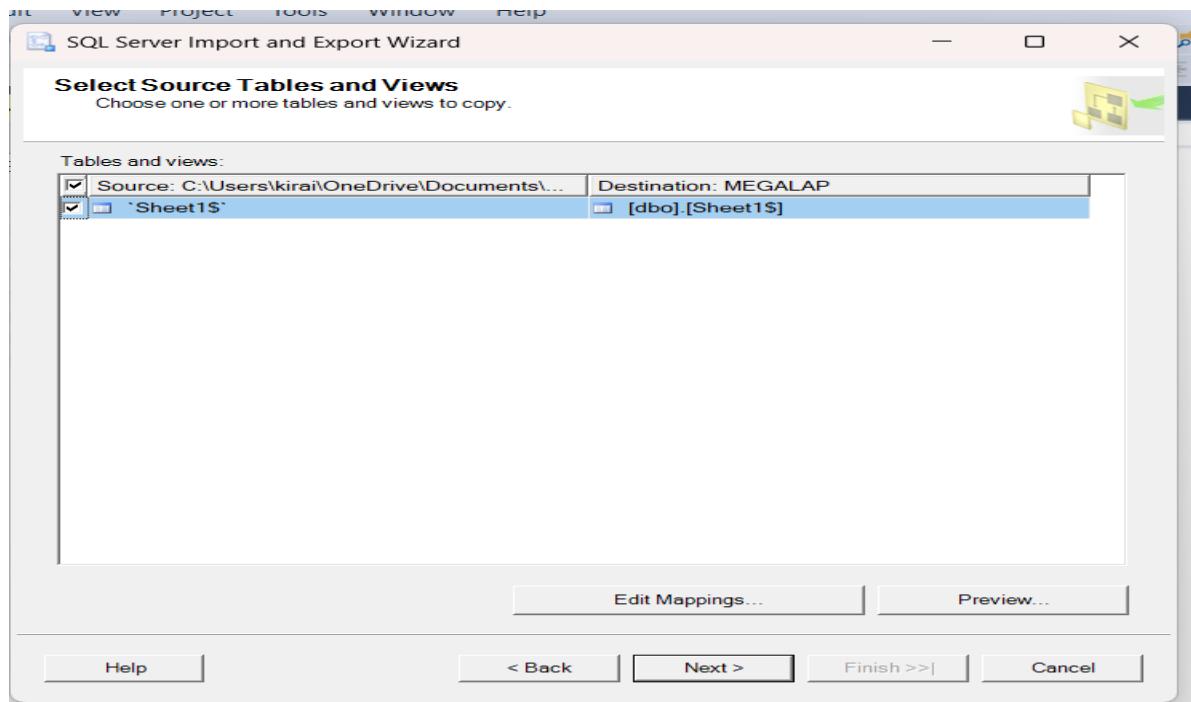
Specify Table Copy or Query
Specify whether to copy one or more tables and views or to copy the results of a query from the data source.

☒ **Copy data from one or more tables or views**
Use this option to copy all the data from the existing tables or views in the source database.

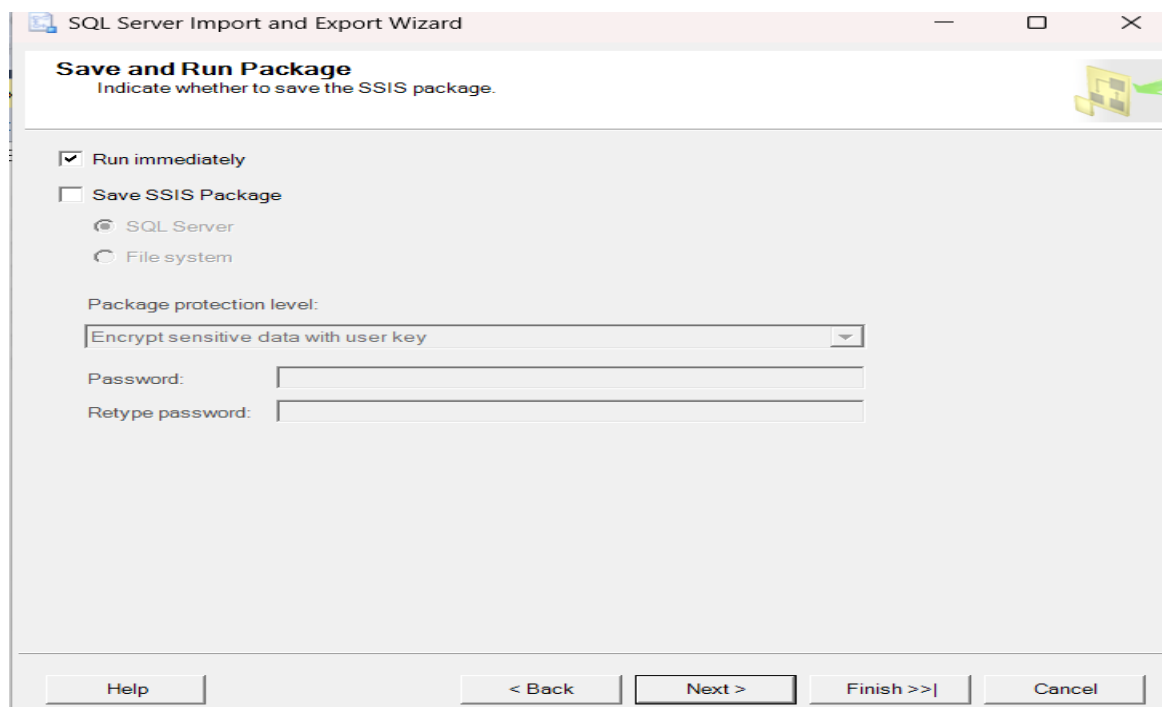
☐ **Write a query to specify the data to transfer**
Use this option to write an SQL query to manipulate or to restrict the source data for the copy operation.

Help < Back Next > Finish >>| Cancel

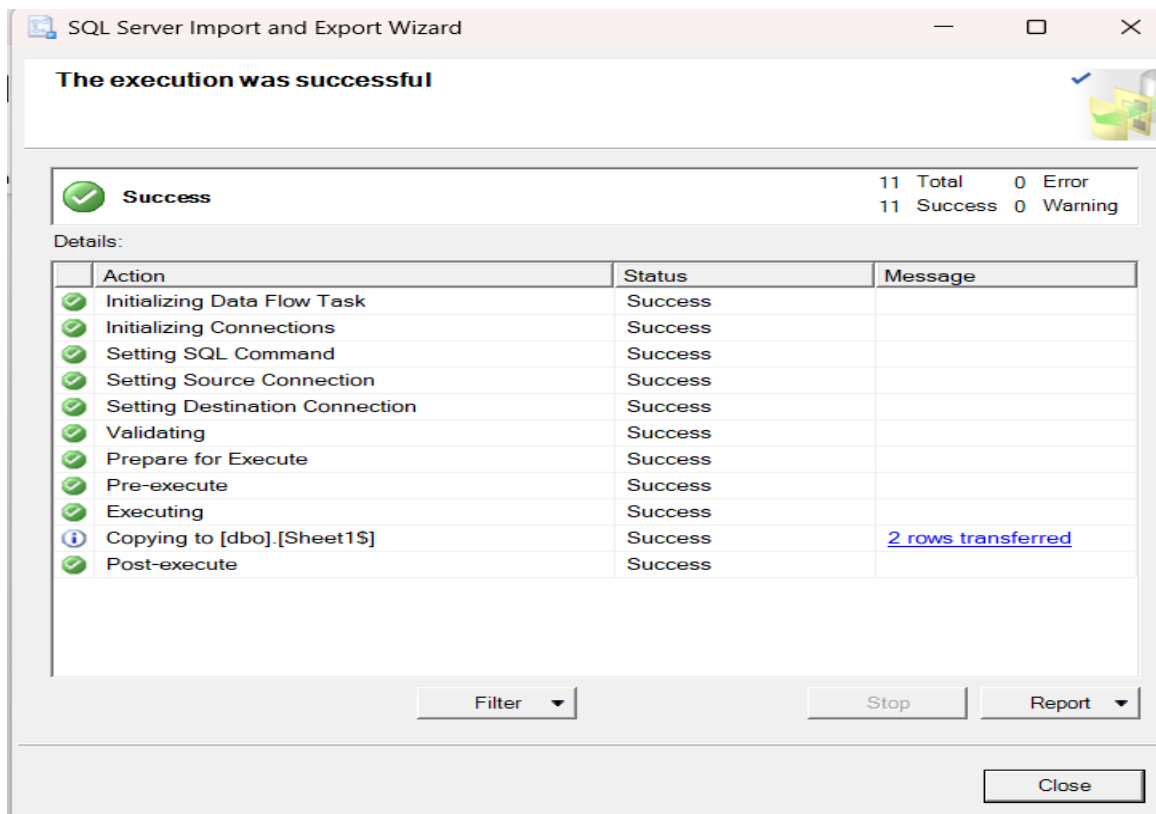
Chúng ta có thể đặt tên cho table ở phần destination như hình



Bước 4: Nhấn finish Thực hiện thành công.



Bấm Finish



Kết quả:

MegaLap.QL_DIEMDANH - dbo.Sheet1\$ THQLTT (1).sql - M...EQ				
	MALOP	TENLOP	SISO	SOBUOI
	L0010	Lớp G	30	20
	L0011	Lớp H	32	18
▶*	NULL	NULL	NULL	NULL

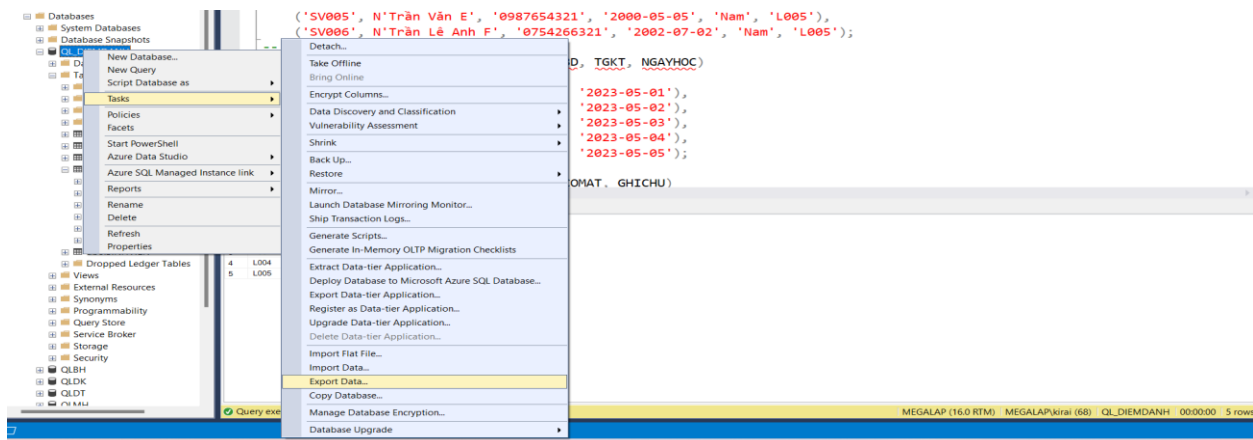
Khi Import vào

A	B	C	D
MALOP	TENLOP	SISO	SOBUOI
L0010	Lớp G	30	20
L0011	Lớp H	32	18

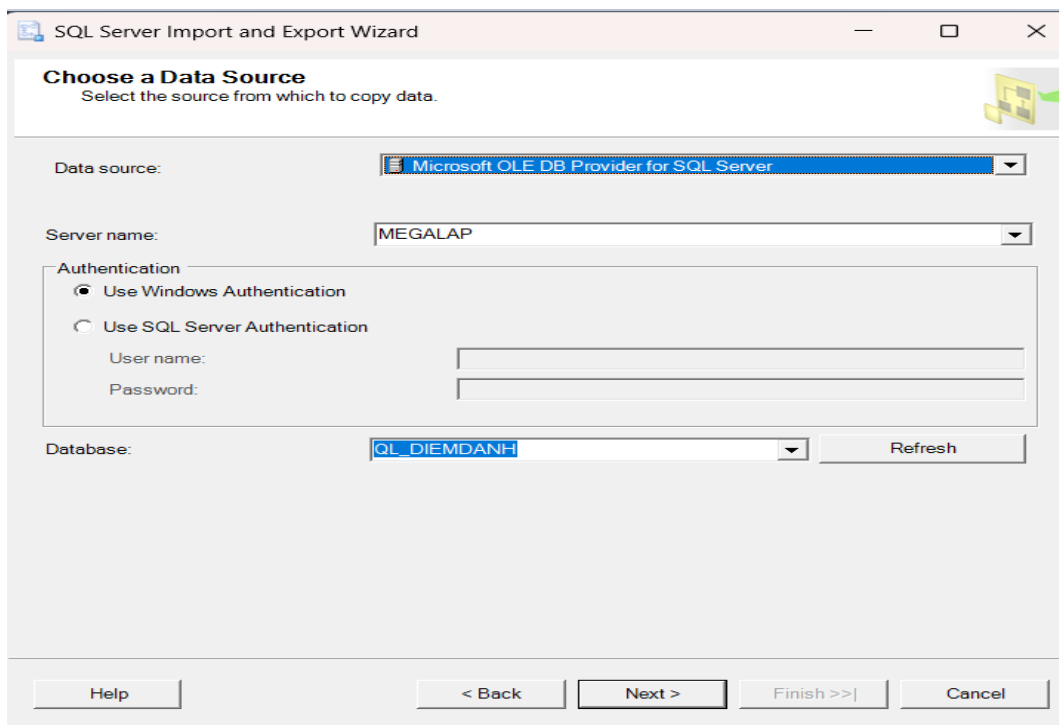
Bảng excel

2.2 Export dữ liệu

Bước 1: Nhấn chuột phải vào Database bất kì ->Tasks ->Export data.

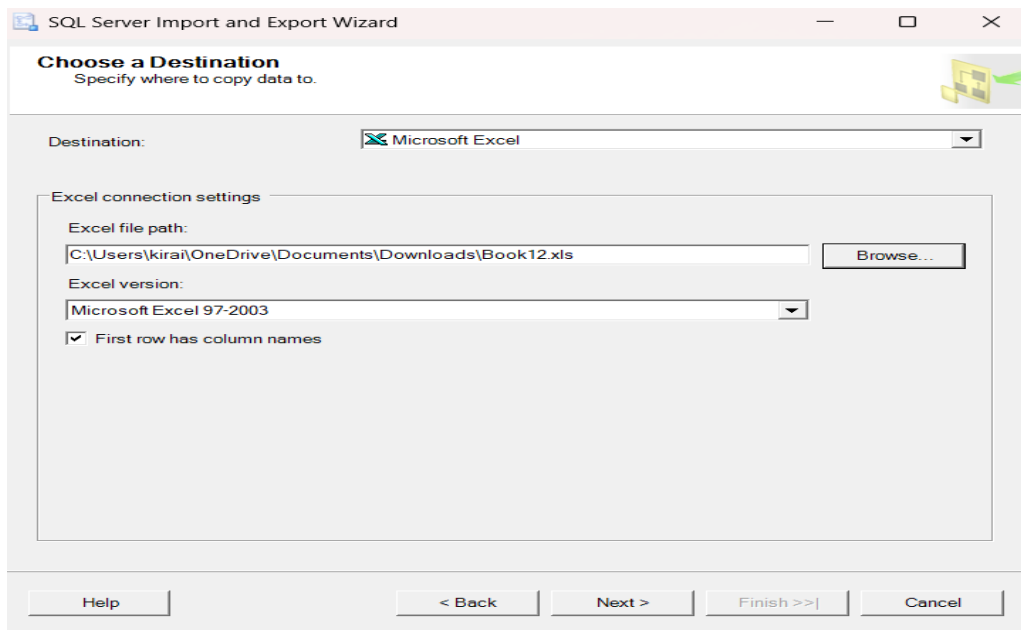


Bước 2: Ở phần Data source, chọn Microsoft OLE DB Provider for SQL Server. Ở phần Database: chọn database mà chúng ta cần Export.

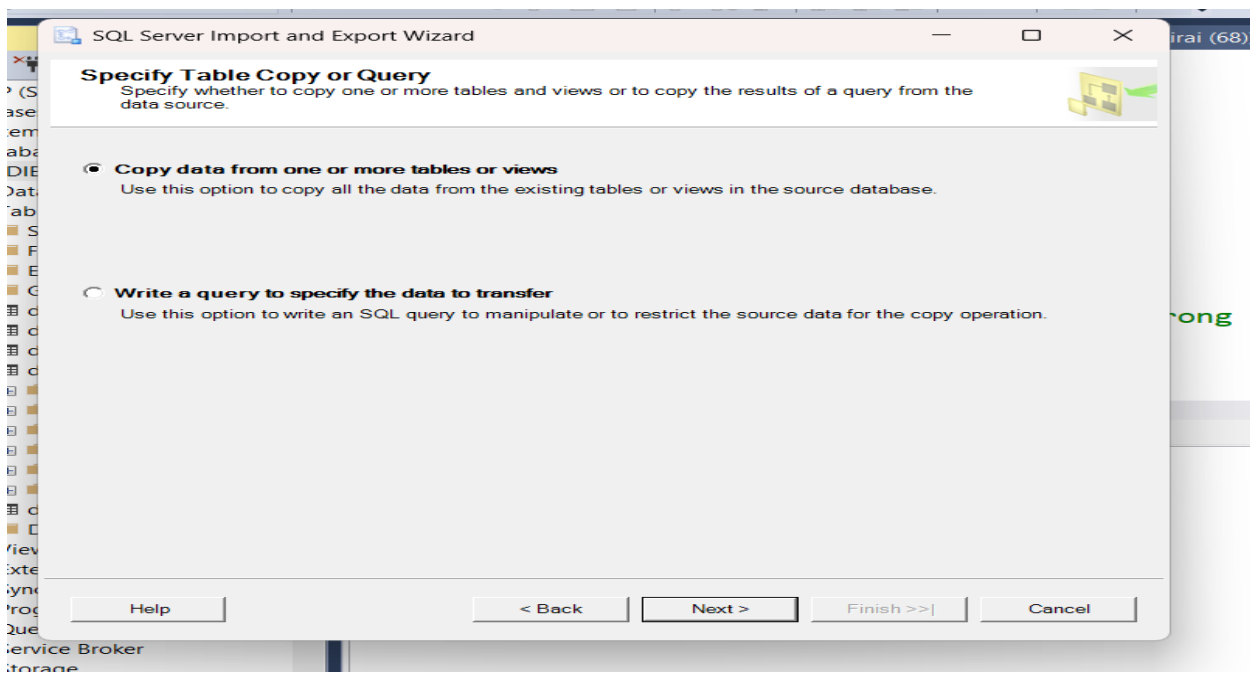


Sau đó nhấn Next để tiếp tục thực hiện Export.

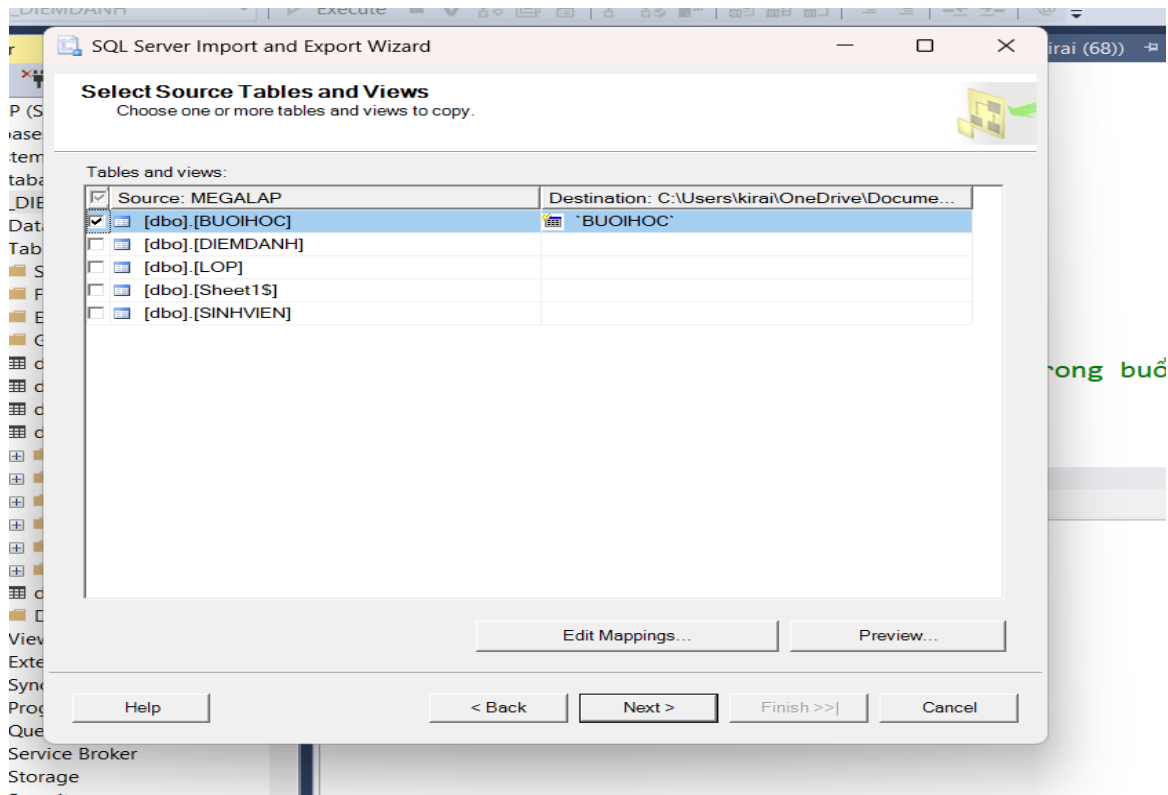
Bước 3: Ở phần destination, chọn Microsoft Excel như hình. Sau đó ở phần Excel file path, chọn file.exe mà chúng ta muốn Export.



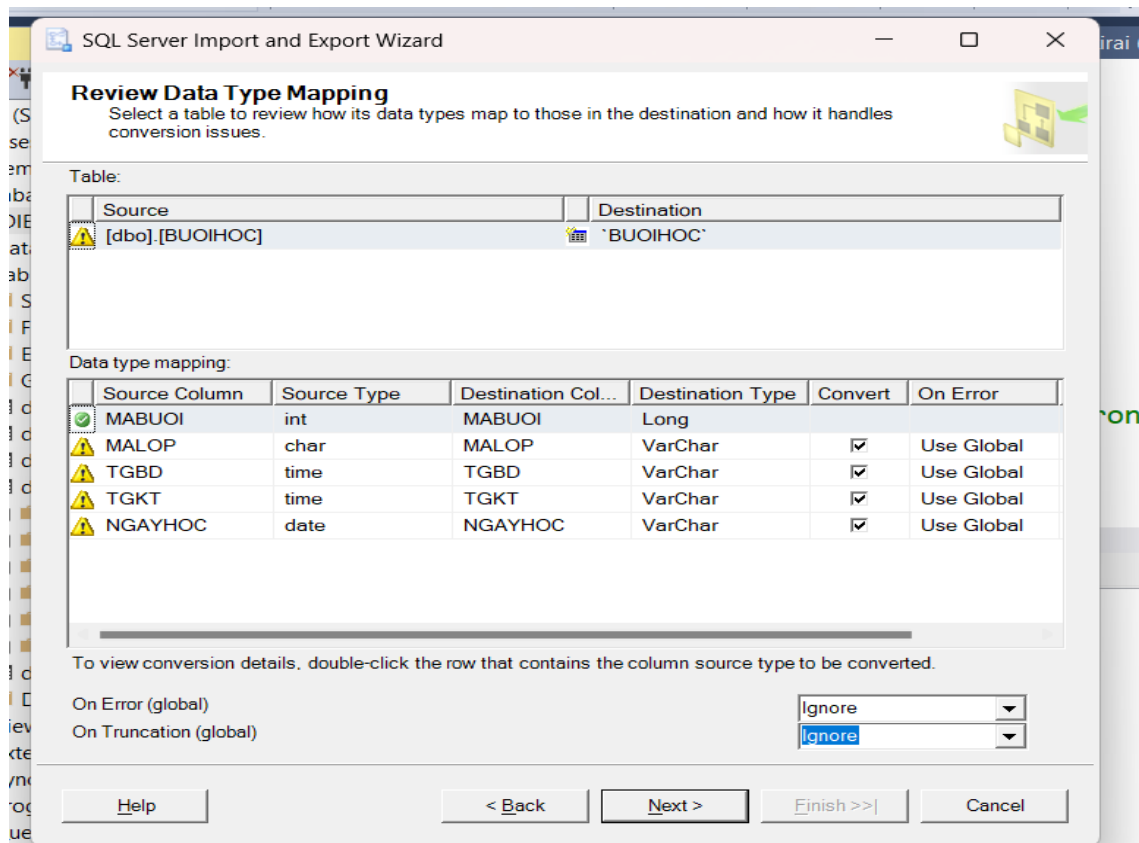
Sau đó nhấn Next. Chọn Copy Data.

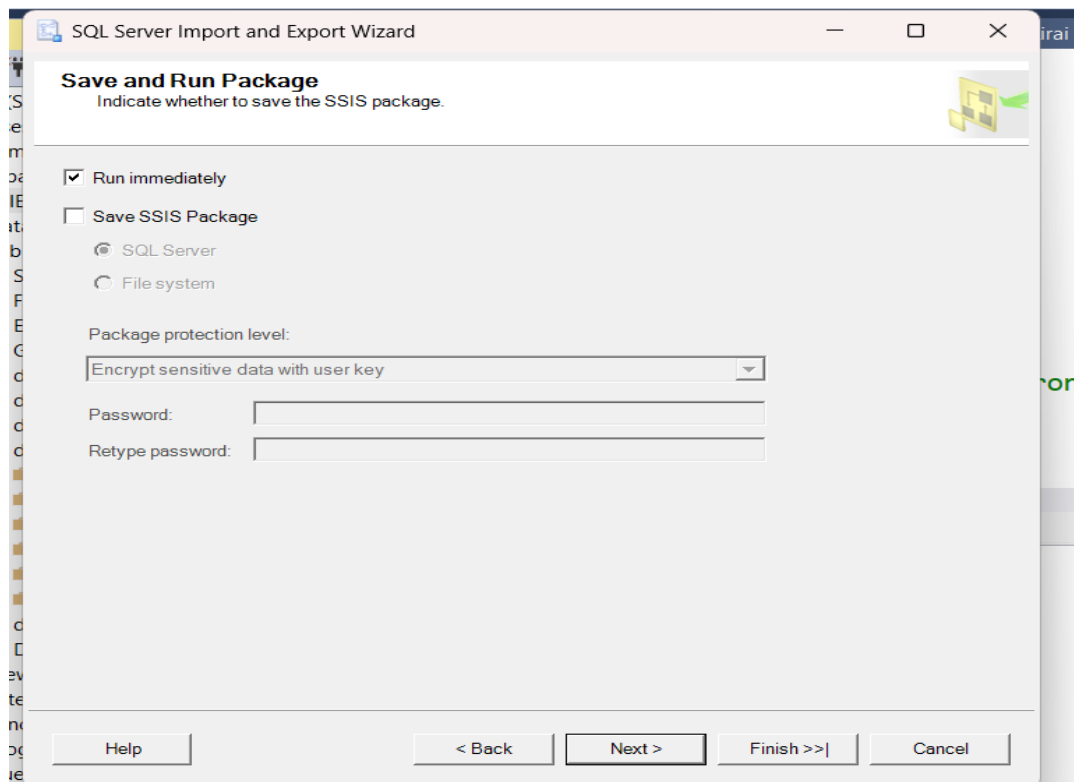


Tick các bảng mà chúng ta muốn Export.

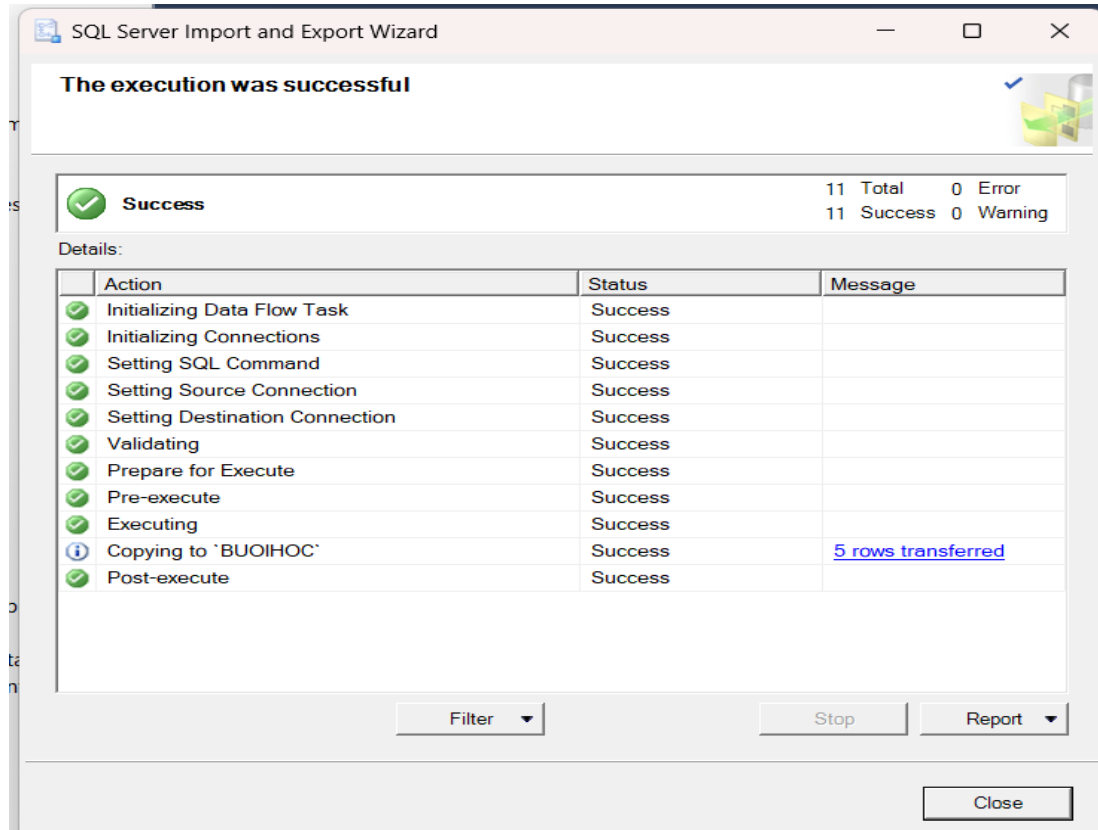


Lưu ý: Khi đã hiện hình hình 2.2.5 chúng ta cần phải chỉnh lại từ 2 fail sang 2 ignore





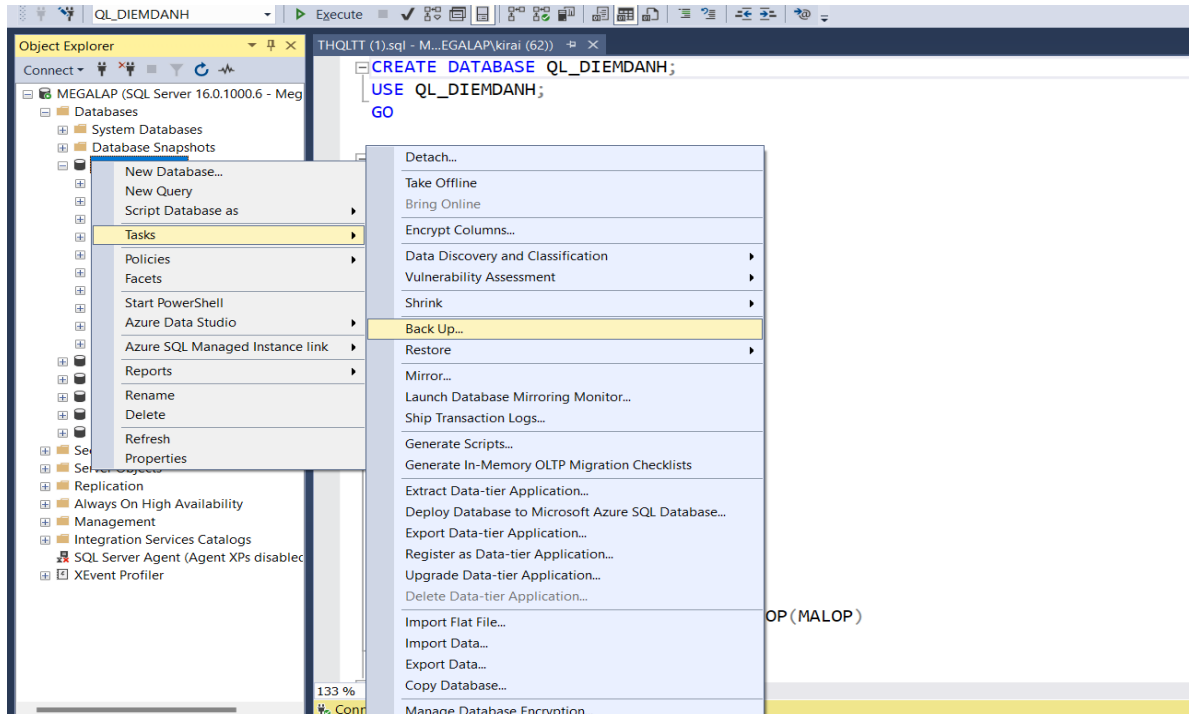
Bước 4: Nhấn finish. Thực hiện thành công.



A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R	S	T	U	V	W
MABUOI	MALOP	TGBD	TGKT	NGAYHOC																		
1	L001	08:00:00.C	10:00:00.C	2023-05-01																		
2	L002	10:30:00.C	12:30:00.C	2023-05-02																		
3	L003	13:30:00.C	15:30:00.C	2023-05-03																		
4	L004	08:00:00.C	10:00:00.C	2023-05-04																		
5	L005	10:30:00.C	12:30:00.C	2023-05-05																		

2.3 Backup dữ liệu

Bước 1: Nhấn chuột phải vào Database ->Tasks ->Back up.



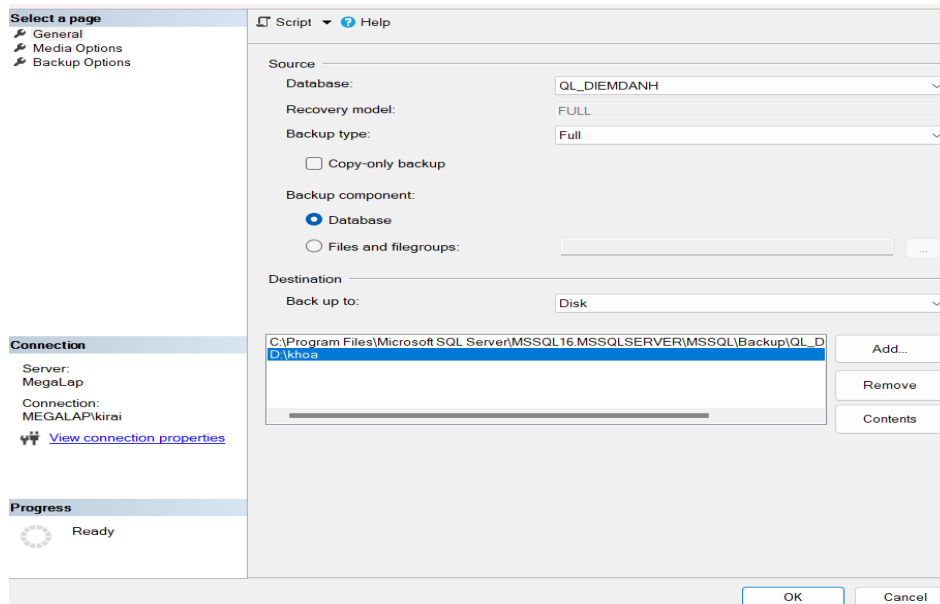
Bước 2: chỉnh lại các tùy chọn như hình sau:

Database : QL_DIEMDANH

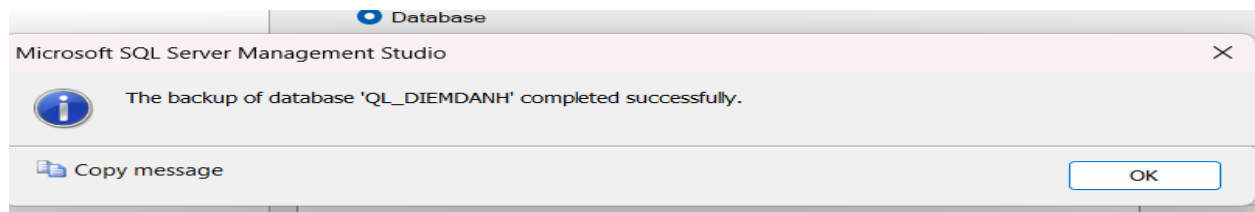
Back up Type : full (dữ liệu sẽ được back up tất cả)

Back up to : Disk (back up vào ổ disk)

Lưu ý: Chúng ta có thể thay đổi nơi lưu file back up (3), bằng cách nhấn vào nút add và chọn đường dẫn mới, tới nơi mà chúng ta muốn lưu file.

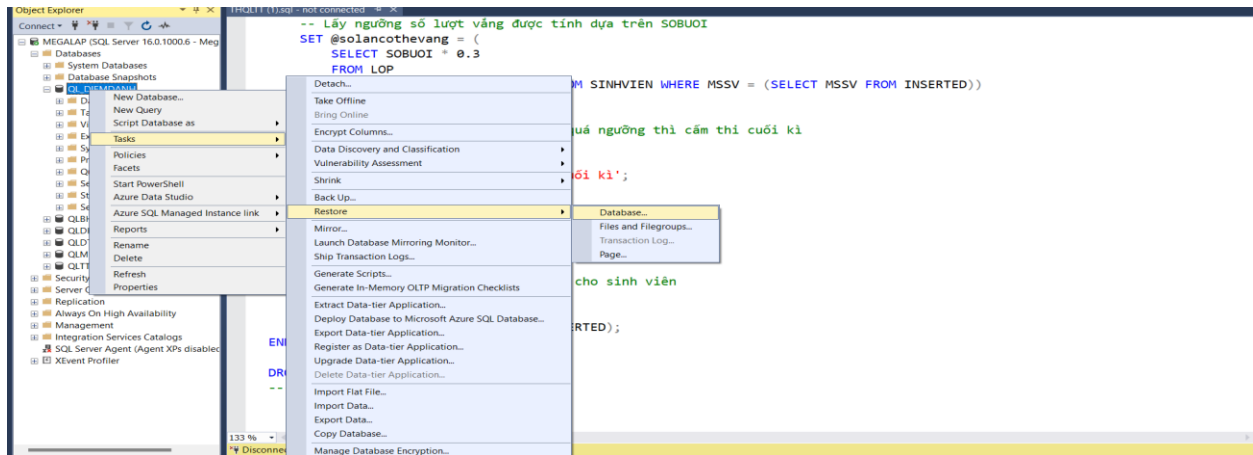


Bước 3: Cuối cùng nhấn OK . Back Up Thành Công

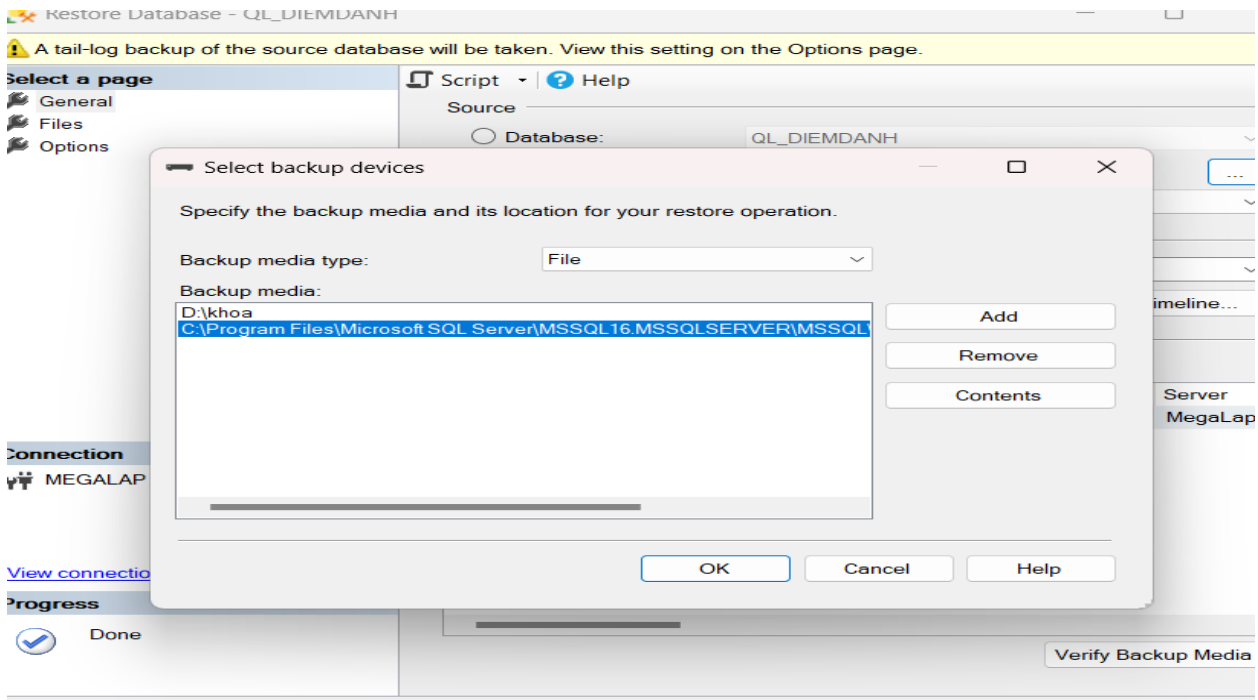


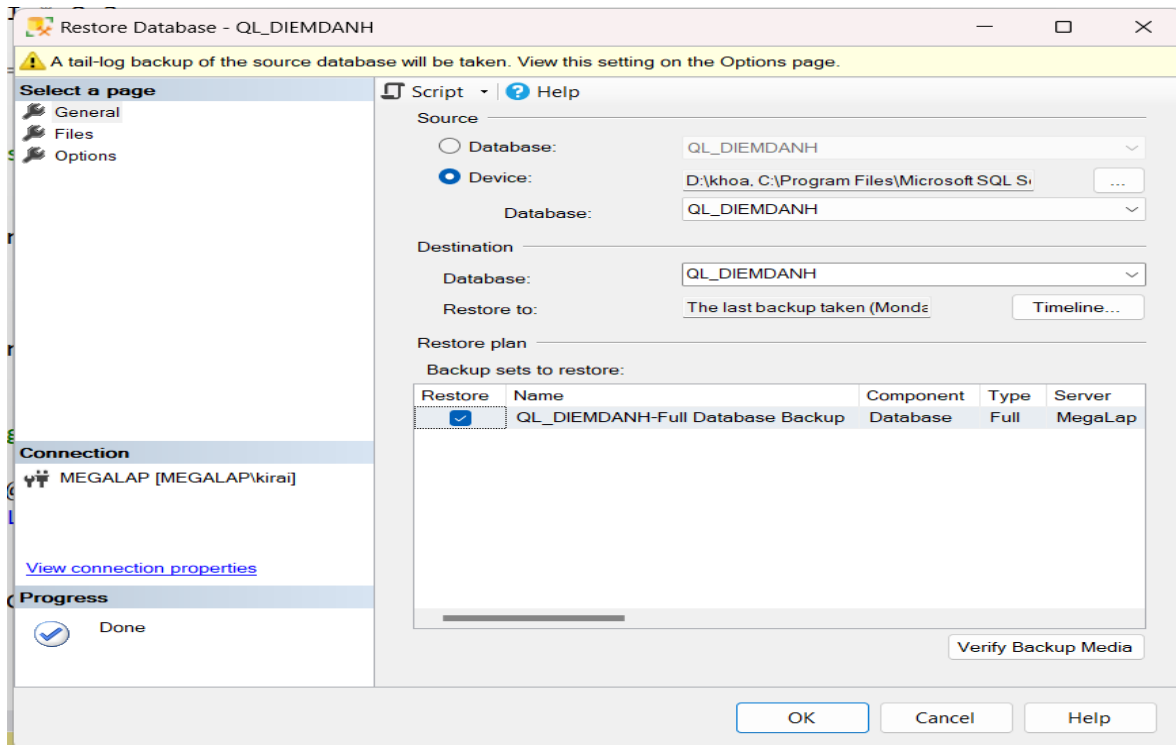
2.4 Restore dữ liệu

Bước 1: Nhấn chuột phải vào Database bất kì ->Tasks ->Restore->Database



Bước 2: Ở mục Source chọn Device , chọn file đã back up để restore lại database

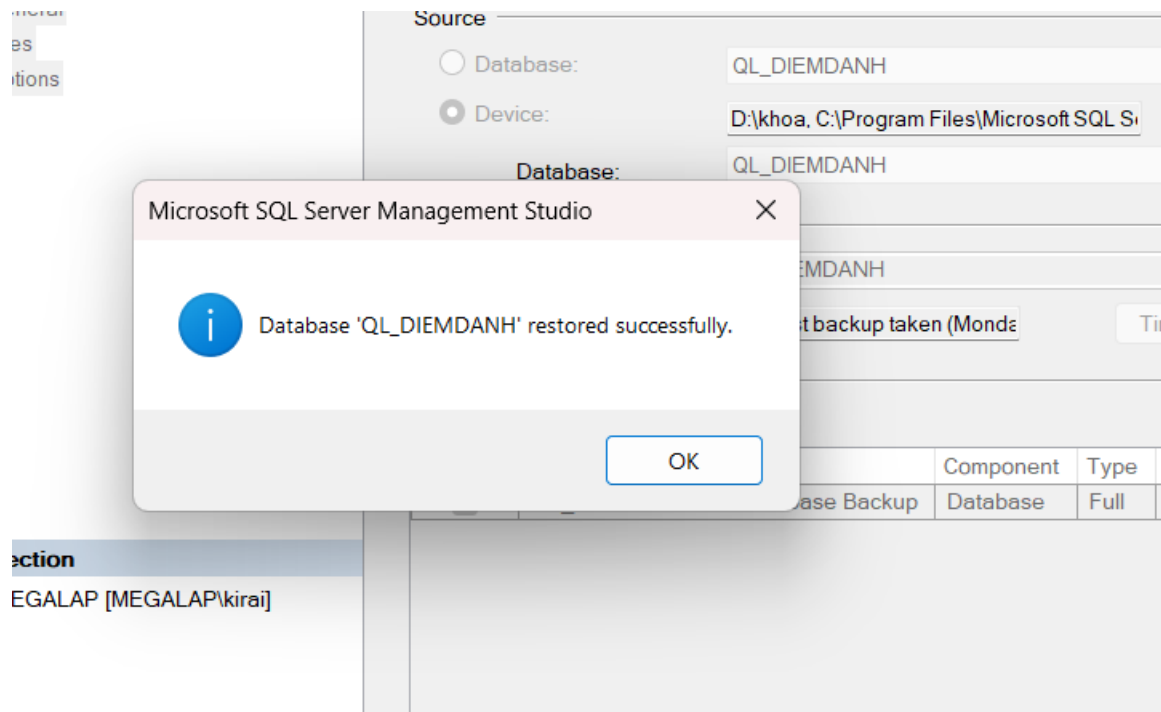




Các thủ tục cần restore sẽ được làm giống như hình trên

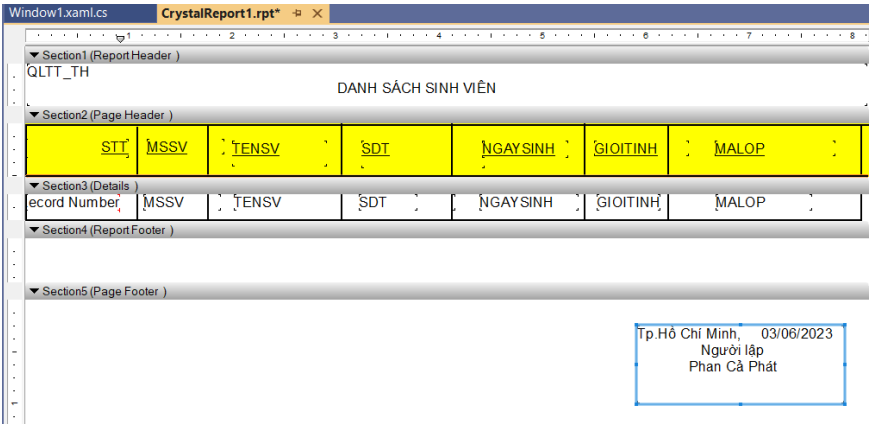
Với: Destination là nơi sẽ back up vào database QL_DIEMDANH

Bước 3: Nhấn OK. Restore thành công



Chương 3: Crystal Report

1. Màn hình thiết kế Report cho table SINHVIEN



Bảng Report Danh sách sinh viên

DANH SÁCH SINH VIÊN						
STT	MSSV	TENS	SDT	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	MALOP
1	SV001	Nguyễn Văn A	0123456789	1/1/2000 12:00	Nam	L001
2	SV002	Trần Thị B	0987654321	2/2/2000 12:00	Nữ	L002
3	SV003	Lê Văn C	0123456789	3/3/2000 12:00	Nam	L002
4	SV004	Nguyễn Thị D	0123456789	4/4/2000 12:00	Nữ	L004
5	SV005	Trần Văn E	0987654321	5/5/2000 12:00	Nam	L005
6	SV006	Trần Lê Anh F	0754266321	7/2/2002 12:00	Nam	L005
7	SV011	Nguyễn Văn A	0123456789	1/1/2000 12:00	Nam	L009
8	SV012	Trần Thị B	0987654321	2/2/2000 12:00	Nữ	L009
9	SV013	Lê Văn C	0123456789	3/3/2000 12:00	Nam	L009
10	SV014	Nguyễn Thị D	0123456789	4/4/2000 12:00	Nữ	L009
11	SV015	Trần Văn E	0987654321	5/5/2000 12:00	Nam	L009
12	SV016	Trần Lê Anh F	0754266321	7/2/2002 12:00	Nam	L009
13	SV017	Trần Lê Anh F	0754266321	7/2/2002 12:00	Nam	L009
14	SV018	Trần Lê Anh F	0754266321	7/2/2002 12:00	Nam	L009
15	SV019	Trần Lê Anh F	0754266321	7/2/2002 12:00	Nam	L009
16	SV022	Trần Lê Anh F	0754266321	7/2/2002 12:00	Nam	L009

Tp. Hồ Chí Minh, 03/06/2023
Người lập
Phan Cả Phát

2. Màn hình thiết kế Report cho table LOP

CrystalReport1.rpt Window1.xaml.cs Window1.xaml				
Section1 (Report Header)				
THỐNG KÊ LỚP				
Section2 (Page Header)				
STT	MALOP	TENLOP	SISO	SOBUOI
Section3 (Details)				
Record Number	MALOP	TENLOP	SISO	SOBUOI
Section4 (Report Footer)				
Tp.Hồ Chí Minh, 03/06/2023 Người lập báo cáo Phan Cả Phát				
Section5 (Page Footer)				

Bảng Report Danh sách & Sĩ số của các lớp

THỐNG KÊ LỚP				
STT	MALOP	TENLOP	SISO	SOBUOI
1	L001	Lớp A	30	18
2	L002	Lớp B	25	22
3	L003	Lớp C	20	20
4	L004	Lớp D	28	16
5	L005	Lớp E	32	20
6	L006	Lớp F	27	18
7	L009	Lớp ABC	10	18
8	L010	Lớp JAN	12	20

Tp.Hồ Chí Minh, 03/06/2023
Người lập báo cáo
Phan Cả Phát

3. Màn hình thiết kế Report cho table DIEMDANH

▼ Section1 (ReportHeader)					
THÔNG KẾ ĐIỂM DANH ĐI HỌC CỦA SINH VIÊN					
▼ Section2 (Page Header)					
STT	MABUOI	MALOP	MSSV	TGCOMAT	GHICHU
▼ Section3 (Details)					
Record Number	ABUOI	MALOP	MSSV	TGCOMAT	GHICHU
▼ Section4 (ReportFooter)					
▼ Section5 (Page Footer)					
Tp.Hồ Chí Minh, 03/06/2023 Người lập thống kê Phan Cả Phát					

Bảng Report các buổi điểm danh của sinh viên

THÔNG KẾ ĐIỂM DANH ĐI HỌC CỦA SINH VIÊN					
STT	MABUOI	MALOP	MSSV	TGCOMAT	GHICHU
1	6	L010	SV002	08:05:00.0000000	P
2	6	L010	SV003	08:21:00.0000000	L
3	6	L010	SV004	08:59:59.0000000	L
4	6	L010	SV005	09:00:00.0000000	UA

4. Màn hình thiết kế Report cho table BUOIHOC

THÔNG KÊ BUỔI HỌC					
STT	MABUOI	MALOP	TGBD	TGKT	NGAYHOC
Group Number	MABUOI	MALOP	TGBD	TGKT	NGAYHOC
<p>Tp.Hồ Chí Minh, 03/06/2023 Người lập bảng thống kê Phan Cả Phát</p>					

Bảng Report danh sách các buổi học

THÔNG KÊ BUỔI HỌC					
STT	MABUOI	MALOP	TGBD	TGKT	NGAYHOC
1	1	L001	08:00:00.00000000	10:00:00.00000000	5/1/2023 12:00:00AM
1	2	L002	10:30:00.00000000	12:30:00.00000000	5/2/2023 12:00:00AM
1	3	L003	13:30:00.00000000	15:30:00.00000000	5/3/2023 12:00:00AM
1	4	L004	08:00:00.00000000	10:00:00.00000000	5/4/2023 12:00:00AM
1	5	L005	10:30:00.00000000	12:30:00.00000000	5/5/2023 12:00:00AM
1	6	L010	08:15:00.00000000	11:00:00.00000000	5/1/2023 12:00:00AM

Tp.Hồ Chí Minh, 03/06/2023
 Người lập bảng thống kê
 Phan Cả Phát

Chương 4: Phân quyền, từ chối, thu hồi và hủy quyền

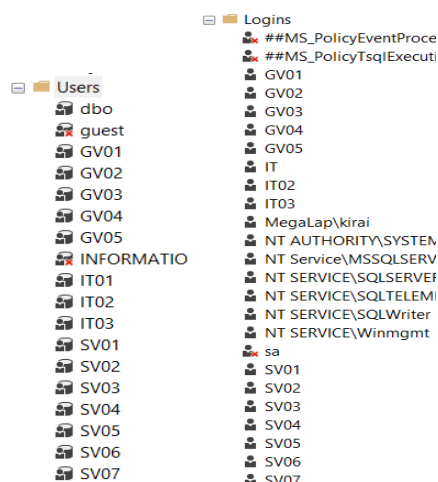
4.1 Tạo login cho user

```
--Tạo LOGIN  
CREATE LOGIN SV01 WITH PASSWORD = 'SV@123456'
```

Tạo user theo login

```
--Sinh viên  
CREATE USER SV01 for LOGIN SV01
```

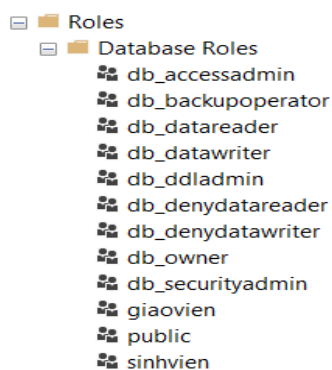
Kết quả:



4.2 Tạo role với cú pháp

```
--Tạo role--  
CREATE ROLE sinhvien AUTHORIZATION dbo  
CREATE ROLE giaovien AUTHORIZATION dbo
```

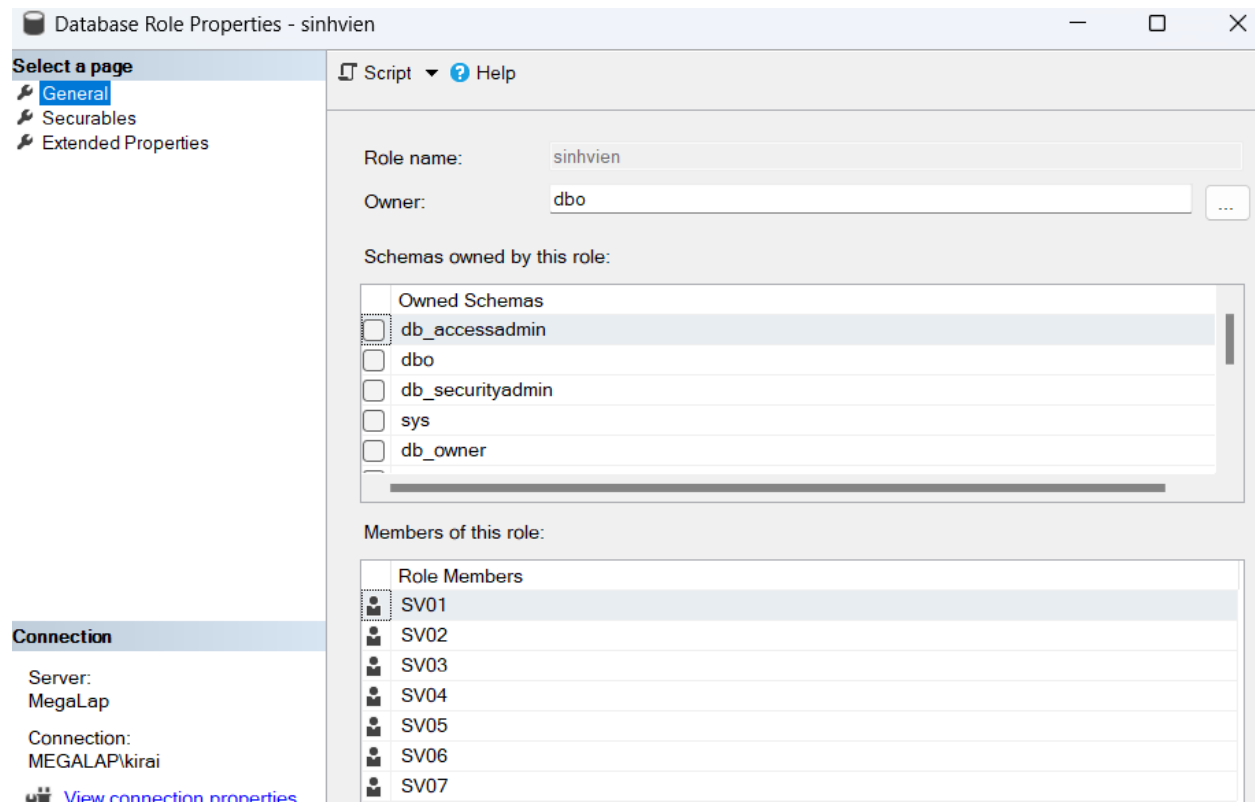
Kết quả:



4.3 Server role:

```
-- Thêm user vào server role  
EXEC sp_addrolemember 'sinhvien', 'SV01'
```

Kết quả:



4.4 Phân quyền, từ chối, thu hồi

Mô tả:

sinhvien có quyền select, insert và update trên SINHVIEN

sinhvien không có quyền delete trên SINHVIEN

sinhvien bị thu hồi quyền update trên SINHVIEN

```
grant select, insert, update on SINHVIEN to sinhvien  
deny delete on SINHVIEN to sinhvien --Tu chối quyền  
revoke update on SINHVIEN to sinhvien
```

Kết quả:

Chạy grant và deny

Chạy thêm revoke

Database Role Properties - sinhvien

select a page

General

Securables

Extended Properties

Database role name: sinhvien

Securables

Schema	Name	Type
dbo	SINHVIEN	Table

Permissions for dbo.SINHVIEN

Explicit

Permission	Grantor	Grant	With Gr...	Deny
Delete		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Delete	dbo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Insert		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Insert	dbo	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
References		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Select		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Select	dbo	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Take ownership		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Unmask		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Update		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Update	dbo	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
View change tracking		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
View definition		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

connection

Server: Megalap

Connection: AEGALAP\kiri

View connection properties

progress

Ready

Database Role Properties - sinhvien

select a page

General

Securables

Extended Properties

Database role name: sinhvien

Securables

Schema	Name	Type
dbo	SINHVIEN	Table

Permissions for dbo.SINHVIEN

Explicit

Permission	Grantor	Grant	With Gr...	Deny
Alter		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Control		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Delete		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Delete	dbo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Insert		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Insert	dbo	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
References		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Select		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Select	dbo	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Take ownership		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Unmask		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Update		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
View change tracking		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

connection

Server: Megalap

Connection: AEGALAP\kiri

View connection properties

progress

Ready